

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Đào.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Thắm, ông Dương Văn Nhạ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST- HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tôn Thị Vân A**, sinh năm 1995; trú tại: **Thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1987; trú tại: **Thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tài liệu và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Tôn Thị Vân A** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tôn Thị Vân A** và anh **Trần Văn L** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh** vào ngày 30/01/2015. Quá trình chung sống được 07 năm đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn trầm trọng, không thể tìm được phương án hòa giải. Hiện nay, chị **A** không còn tình cảm nên mong muốn được ly hôn anh **L**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thùy T**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2016 và cháu **Trần Hà L1**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2020. Hiện nay cháu **Trần Thị Thùy T** đang ở với chị **A**, cháu **Trần Hà L1** đang ở với anh **L**; chị **A** yêu cầu được nuôi con là cháu **Trần Hà L1** còn cháu **Trần Thị Thùy T** giao cho anh **L** nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Tôn Thị Vân A** trình bày vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Trần Văn L** đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, biết việc chị **Tôn Thị Vân A** yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án tham gia các buổi công khai chứng cứ và hoà giải theo giấy triệu tập. Anh **L** có bản tự khai và đơn trình bày ý kiến: về tình cảm không muốn ly hôn; về con chung muốn được nuôi cháu **Trần Thị Thùy T**, chị Anh nuôi cháu **Trần Hà L1**, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả xác minh:* Bà **Nguyễn Thị G** (mẹ đẻ anh **L**) cho biết: vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã hoà giải nhưng không được. Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thùy T**, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2016 hiện đang ở với chị **A** và cháu **Trần Hà L1**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2020 hiện đang ở với bà nội và anh **L**. Anh **L** sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án thì đã có đơn trình bày với Tòa án. Bà **G** đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và thông báo cho anh **L** biết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Tôn Thị Vân A** được ly hôn anh **Trần Văn L**; Giao cháu **Trần Hà L1** cho chị **Tôn Thị Vân A** chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con chung, giao cháu **Trần Thị Thùy T** cho anh **Trần Văn L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con chung, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào; chị **A** phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị **Tôn Thị Vân A** yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh **Trần Văn L** có đăng ký thường trú tại **thôn V, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Do đó, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Tôn Thị Vân A** và anh **Trần Văn L** là hợp pháp, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn, thực hiện đúng thủ tục.



Kết quả xác minh cho thấy thời gian chung sống thực tế của vợ chồng không nhiều và xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Chị **Tôn Thị Vân A** kiên quyết ly hôn còn anh **Trần Văn L** cũng bỏ mặc hôn nhân của mình, không có hành động thể hiện muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống chung, thực tế vợ chồng đã ly thân không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **Tôn Thị Vân A** ly hôn anh **Trần Văn L**.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Trần Thị Thùy T**, sinh ngày 19/7/2016 và cháu **Trần Hà L1**, sinh ngày 11/11/2020. Hiện nay cháu **Trần Thị Thùy T** và cháu **Trần Hà L1** đang ở với chị **A**, anh **L**. Chị **A** yêu cầu được nuôi cháu **Trần Hà L1** do đó giao cháu **L1** cho chị **A** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con, giao cháu **Trần Thị Thùy T** cho anh **L** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[2.3] Về nợ chung, tài sản chung: Các đương sự không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1, 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Tôn Thị Vân A** ly hôn anh **Trần Văn L**.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Thị Thùy T**, sinh ngày 19/7/2016 cho anh **Trần Văn L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con; giao cháu **Trần Hà L1**, sinh ngày 11/11/2020 cho chị **Tôn Thị Vân A** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi nuôi con; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Chị **Tôn Thị Vân A** và anh **Trần Văn L** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về án phí: Chị **Tôn Thị Vân A** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011089 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Chị **Tôn Thị Vân A** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Thượng Lộc;  
(để ghi vào sổ hộ tịch)
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Đào**